

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Trọng Ngoan.

- Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Minh H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 1882, đường T, khóm Q, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bà Trương Thị Lệ P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số 1539, đường Trần Hưng Đạo, tổ 22, khóm Đ, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Minh H và bà Trương Thị Lệ P: ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983. (Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020). (Có mặt).

Địa chỉ: Số 30, đường H, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 2007, đường H, tổ 5, khóm T, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bà Trần Thị Mỹ K, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 2007, đường H, tổ 5, khóm T, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông H, bà P có đăng ký hộ kinh doanh salon ô tô Hằng Phương do bà Trương Thị Lệ P đứng tên. Vào khoảng năm 2016 ông H có mua của ông T 01 xe ô tô, ông T nói với ông H là ông T có mối mua bán xe ô tô và kêu ông H đưa tiền cho ông T để đi mua xe ô tô cũ về trang trí và bán lại kiếm tiền lời. Theo thỏa thuận thì ông H và bà P đưa tiền cho ông T mua xe ô tô, ông T đứng tên để mua, làm hợp đồng với khách, sau khi mua xe ông T mang xe về để tại cửa hàng xe Hằng Phương, khi bán xong, ông T hưởng huê hồng trên từng chiếc xe sau khi bán được. Ông H với ông T có làm tờ mua bán xe ô tô và biên nhận tiền từng chiếc xe sau khi ông T đã mua xe để làm tin với nhau, tiền là của ông H nhưng ông T là người đứng tên sở hữu xe đã mua.

Tuy nhiên, thực tế thì giữa các bên có ký các tờ mua bán xe ô tô kiêm biên nhận nhận tiền, có thực hiện việc giao dịch mua bán xe và trả tiền đầy đủ, cụ thể là sau khi ông T mua được các xe ô tô sẽ bán lại cho ông H, bà P để trưng bày tại ô tô salon Hằng Phương để ông H, bà P tân trang lại xe và bán lại kiếm lời, trường hợp ông H, bà P không tìm được người mua thì ông T sẽ giới thiệu người mua xe, trực tiếp bán xe cho ông H, bà P, khi bán được xe thì ông T sẽ trả tiền lời theo thỏa thuận là 2%/tháng tính trên số tiền mua xe mà ông H, bà P đã trả cho ông T, phần tiền lời còn lại thì ông T lấy. Hai bên làm ăn mua bán xe với nhau trong thời gian dài từ năm 2016 đến năm 2020.

Vào khoảng cuối năm 2019 đầu năm 2020, ông T và ông H, bà P có ký các hợp đồng mua xe, cụ thể như sau:

- Ngày 05/10/2019, ông H, bà P mua xe ô tô hiệu CAMRY, biển số 63A-053.57 và đã trả đủ số tiền 900.000.000 đồng cho ông T theo Tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền ngày 05/10/2019.

- Ngày 17/11/2019, ông H, bà P mua xe ô tô hiệu MAZDA, biển số 67A-092.00 và đã trả đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông T theo Tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền ngày 17/11/2019

- Ngày 17/01/2020, ông H, bà P mua xe ô tô hiệu INNOVA, biển số 67A-063.60 và đã trả đủ số tiền 380.000.000 đồng cho ông T theo Tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền ngày 17/01/2020.

- Ngày 17/02/2020, ông H, bà P mua xe ô tô hiệu HONDA, biển số 67A-101.86 và đã trả đủ số tiền 600.000.000 đồng cho ông T theo Tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền ngày 17/02/2020

- Ngày 17/02/2020, ông H, bà P mua xe ô tô hiệu TOYOTA, biển số 67A-093.37 và đã trả đủ số tiền 500.000.000 đồng cho ông T theo Tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền ngày 17/02/2020.

- Ngày 24/02/2020, ông H, bà P mua xe ô tô hiệu FORTTRANSIT, biển số 67B-017.68 và đã trả đủ số tiền 600.000.000 đồng cho ông T theo Tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền ngày 24/02/2020

Tổng số tiền mà ông H, bà P đã trả cho ông T để mua 06 xe ô tô trên là 3.280.000.000 đồng. Ông H, bà P có được ông T cho xem các xe ô tô này để thỏa thuận giá mua bán nhưng thực tế ông T chưa giao xe cho ông H, bà P. Khi ông H, bà P nhiều lần yêu cầu giao xe để trưng bày tại salon ô tô Hằng Phương thì ông T tìm cách né tránh và nói rằng xe đang làm thủ tục chuyển nhượng sang tên từ chủ xe cũ qua cho ông T và đang tìm người mua lại xe cho ông H, bà P, nếu bán được xe sẽ trả số tiền 2%/tháng tính trên số tiền mua xe mà ông H, bà P đã trả cho ông T. Do tin tưởng và làm ăn chung nhiều năm nên ông H, bà P nhiều lần tạo điều kiện gia hạn thời gian giao xe cho ông T. Sau đó, ông T không thực hiện việc giao xe nên ông H, bà P khởi kiện tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà P có làm đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ thì mới biết được thông tin toàn bộ các xe ô tô trên thì có xe ô tô ông T đã bán cho người khác hoặc xe đang thuộc sở hữu của người khác và chưa sang tên cho ông T.

Tại đơn khởi kiện, ông H, bà P yêu cầu ông T, bà K có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông H và bà P số tiền 3.280.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà K liên đới cùng ông T trả số tiền 3.280.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe giữa ông H, bà P và ông T là vô hiệu, yêu cầu ông T trả cho ông H, bà P số tiền 3.280.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng).

Để bảo đảm tài sản thi hành án ông T yêu cầu tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc yêu cầu phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo đơn yêu cầu ngày 28/5/2020. Đối tượng yêu cầu là quyền sử dụng đất diện tích 2624m², thửa số 1085, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01243, mục đích sử dụng đất là đất ở và cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/01/2017 cho ông Phạm Ngọc T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: ngày 15/01/2021, nguyên đơn đã xác định lại yêu cầu khởi kiện là yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe giữa các đương sự là vô hiệu. Do đó, cần thay đổi quan hệ tranh chấp là yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

Về nội dung:

- Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Giao dịch bị vô hiệu do vi phạm về hình thức nên xác định lỗi ½ giữa các bên.

- Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P đối với bà Trần Thị Mỹ K và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P. Buộc ông Phạm Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P số tiền 3.280.000.000.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P khởi kiện ông Phạm Ngọc T, bà Trần Thị Mỹ K. Ông Phạm Ngọc T, bà Trần Thị Mỹ K có nơi cư trú tại khóm T, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: quá trình giải quyết vụ án ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P xác định lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông H, bà P và ông T là vô hiệu, yêu cầu ông T trả số tiền 3.280.000.000 đồng. Nhận thấy, việc ông H, bà P yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô là vô hiệu xuất phát giữa từ giao dịch mua bán xe ô tô giữa ông H, bà P và ông T thông qua các tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P ủy quyền cho ông Nguyễn Thành T. Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo nội dung văn bản ủy quyền.

[4] Tại phiên tòa, ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà K và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, đình chỉ yêu cầu đối với bà Trần Thị Mỹ K và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật.

[5] Căn cứ nội dung các tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền ngày 05/10/2019, ngày 17/11/2019, ngày 17/01/2020, ngày 17/02/2020, ngày 24/02/2020, có cơ sở xác định giữa ông H, bà P và ông T đã xác lập 06 hợp đồng mua bán xe ô tô gồm: xe ô tô hiệu CAMRY, biển số 63A-053.57, xe ô tô hiệu MAZDA, biển số 67A-092.00, xe ô tô hiệu INNOVA, biển số 67A-063.60, xe ô tô hiệu HONDA, biển

số 67A-101.86, xe ô tô hiệu TOYOTA, biển số 67A-093.37, xe ô tô hiệu FORTTRANSIT, biển số 67B-017.68. Tổng số tiền mà ông H, bà P trả cho ông T là 3.280.000.000 đồng. Ông H, bà P yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông, bà và ông T là vô hiệu do ông T không thực hiện việc giao xe và toàn bộ các xe ô tô trên có 01 số xe ô tô ông T đã bán cho người khác hoặc xe đang thuộc sở hữu của người khác và chưa sang tên cho ông T đồng thời yêu cầu ông T trả lại số tiền 3.280.000.000 đồng.

[6] Căn cứ điểm g Điều 10 Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định *“Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật về chứng thực”*.

Xét hợp đồng mua bán xe ô tô được ký kết giữa ông H, bà P và ông T tuy được lập thành văn bản nhưng không thực hiện thủ tục công chứng, chứng thực hợp đồng là vi phạm quy định về hình thức của hợp đồng. Mặt khác, qua kết quả xác minh do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh An Giang cung cấp thì 06 xe ô tô không phải do ông T đứng tên chủ sở hữu xe mà do người khác đứng tên hoặc ông T nhận ủy quyền thực hiện việc bán xe cho chủ sở hữu xe. Do hợp đồng mua bán xe ô tô trên vi phạm hình thức, không thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên việc ông H, bà P yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô vô hiệu là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 122, 129 Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà P, tuyên bố các hợp đồng mua bán xe ô tô theo tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền ngày 05/10/2019, ngày 17/11/2019, ngày 17/01/2020, ngày 17/02/2020, ngày 24/02/2020 là vô hiệu.

[7] Về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu

Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì khi giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập và các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, ông T đã nhận đủ tiền nhưng không thực hiện việc giao xe là vi phạm nghĩa vụ của bên bán. Vì vậy, cần buộc ông T trả lại cho ông H, bà P số tiền 3.280.000.000 đồng.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2020/QĐ-BPKCTT

ngày 03/6/2020 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với quyền sử dụng đất diện tích 2624m², thửa số 1085, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01243, mục đích sử dụng đất là đất ở và cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/01/2017 cho ông Phạm Ngọc T theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 28/5/2020 của ông H, bà P.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà P yêu cầu tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên của Tòa án để bảo đảm tài sản thi hành án. Do yêu cầu khởi kiện của ông H, bà P được chấp nhận, ông T người phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 3.280.000.000 đồng nên yêu cầu tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) mà ông H, bà P đã nộp vào tài khoản số 701-1-00-0057472-6 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh An Giang theo Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 04/2020/QĐ-BPBD ngày 03/6/2020 và Quyết định phong tỏa tài khoản tại ngân hàng số 01/2020/QĐ-PTTK ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Do số tiền trên ông H, bà P nộp nhằm mục đích bồi thường thiệt hại trong trường hợp ông H, bà P yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng gây thiệt hại cho người bị áp dụng hoặc người thứ ba. Nhưng yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông H, bà P là đúng quy định pháp luật và tại phiên tòa yêu cầu khởi kiện của ông H, bà P được chấp nhận nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 04/2020/QĐ-BPBD ngày 03/6/2020 và Quyết định phong tỏa tài khoản tại ngân hàng số 01/2020/QĐ-PTTK ngày 04/6/2020.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hủy Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 04/2020/QĐ-BPBD ngày 03/6/2020 và Quyết định phong tỏa tài khoản tại ngân hàng số 01/2020/QĐ-PTTK ngày 04/6/2020. Hoàn trả lại số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 701-1-00-0057472-6 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh An Giang cho ông H, bà P khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của ông H, bà P được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 112, 126, 142, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 122, 129, 131, 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P đối với bà Trần Thị Mỹ K và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P.

- Tuyên bố các hợp đồng mua bán xe ô tô theo tờ mua bán xe ô tô biên nhận nhận tiền ngày 05/10/2019, ngày 17/11/2019, ngày 17/01/2020, ngày 17/02/2020, ngày 24/02/2020 giữa ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P và ông Phạm Ngọc T là vô hiệu.

- Buộc ông Phạm Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P số tiền 3.280.000.000 đồng (*Ba tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2020/QĐ-BPKCTT ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Tài sản phong tỏa là quyền sử dụng đất diện tích 2624m², thửa số 1085, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01243, mục đích sử dụng đất là đất ở và cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/01/2017 cho ông Phạm Ngọc T.

Hủy Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 04/2020/QĐ-BPBD ngày 03/6/2020 và Quyết định phong tỏa tài khoản tại ngân hàng số 01/2020/QĐ-PTTK

ngày 04/6/2020. Hoàn trả lại số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và lãi suất phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 701-1-00-0057472-6 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh An Giang cho ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Ngọc T phải chịu 97.600.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Minh H, bà Trương Thị Lệ P được nhận lại 48.800.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003100 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên